

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ
TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

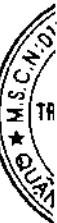
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 18



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tấn Hòa	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 20 tháng 2 năm 2013)
Ông Lê Cự Tân	Chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 20 tháng 2 năm 2013)
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên
Ông Phạm Hùng Phương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Ngà	Giám đốc
Ông Vũ Khánh Vinh	Phó Giám đốc
Ông Tô Ngọc Thụ	Phó Giám đốc
Ông Phạm Hùng Phương	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

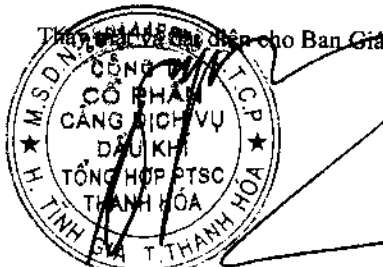
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Văn Ngà
Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2013

2013
CH
CÍ
ÁCH
ĐE
VI
7-

Số: 0250 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 6 tháng 3 năm 2013, từ trang 3 đến trang 18. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 6 tháng 3 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Mạnh Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1826/KTV

12500-
NHÀ
NG 1
HIỆM
OIT
T N/
TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**Mẫu B 01-DN**
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		45.457.892.361	81.337.563.089
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	33.020.144.762	31.135.167.527
1. Tiền	111		7.797.753.868	2.585.697.352
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.222.390.894	28.549.470.175
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.705.560.545	5.385.354.709
1. Phải thu khách hàng	131		10.895.171.191	6.350.401.146
2. Trả trước cho người bán	132		50.110.000	133.881.560
3. Các khoản phải thu khác	135		1.257.550.024	129.914.373
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.497.270.670)	(1.228.842.370)
III. Hàng tồn kho	140	6	1.200.713.124	1.041.015.048
1. Hàng tồn kho	141		1.200.713.124	1.041.015.048
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		531.473.930	43.776.025.805
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		439.979.307	244.230.948
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	42.239.148.489
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	669.235.545
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		91.494.623	623.410.823
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220)	200		405.007.607.937	425.032.906.809
I. Tài sản cố định	220		405.007.607.937	425.032.906.809
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	404.856.262.434	420.106.419.466
- Nguyên giá	222		482.873.604.799	472.355.944.317
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(78.017.342.365)	(52.249.524.851)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	116.181.261	230.906.313
- Nguyên giá	228		311.989.714	311.989.714
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(195.808.453)	(81.083.401)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	35.164.242	4.695.581.030
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		450.465.500.298	506.370.469.898

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**Mẫu B 01-DN**
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		47.180.221.470	105.101.793.110
I. Nợ ngắn hạn	310		47.180.221.470	105.101.793.110
1. Phải trả người bán	312		1.522.423.207	5.453.941.355
2. Người mua trả tiền trước	313		370.526.000	216.032.624
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	313.724.683	33.663.500
4. Phải trả người lao động	315		2.172.761.076	3.426.013.642
5. Chi phí phải trả	316		1.384.118.831	1.347.232.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11	39.473.159.159	93.802.327.995
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.943.508.514	822.581.994
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		403.285.278.828	401.268.676.788
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	403.285.278.828	401.268.676.788
1. Vốn điều lệ	411		400.000.000.000	400.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.014.941.379	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		63.433.889	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.206.903.560	1.268.676.788
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		450.465.500.298	506.370.469.898

Mẫu B 01-DN**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Ngoại tệ折算 (Đô la Mỹ)

31/12/2012


6.450,13

31/12/2011

493,94

Lê Văn Nga
Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2013


 Nguyễn Hữu Hoan
Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012		2011	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	74.973.863.197		87.705.008.581	
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		74.973.863.197		87.705.008.581	
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	14	63.375.441.384		74.787.188.591	
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.598.421.813		12.917.819.990	
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.572.995.958		2.896.546.775	
6. Chi phí tài chính	22		-		1.157.980.000	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-		1.157.980.000	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	16	12.214.361.110		12.881.919.944	
8. Lãi từ hoạt động kinh doanh	30		2.957.056.661		1.774.466.821	
9. Thu nhập khác	31		65.674.480		149.505.603	
10. Chi phí khác	32		45.144.796		79.318.460	
11. Lợi nhuận khác	40		20.529.684		70.187.143	
12. Lợi nhuận trước thuế	50		2.977.586.345		1.844.653.964	
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	770.682.785		575.977.176	
13. Lợi nhuận sau thuế	60		2.206.903.560		1.268.676.788	



Lê Văn Nga
Giám đốc
Ngày 6 tháng 3 năm 2013

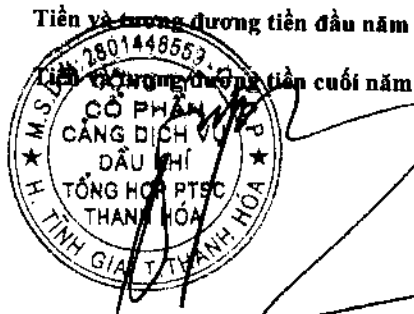
Nguyễn Hữu Hoan
Kế toán trưởng

001/2012
CHI
CỘP
SÁCH NH
DEL
VIỆ
V.1 - T

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**MẪU B 03-DN**
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.977.586.345	1.844.653.964
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	25.842.592.580	25.613.285.048
Các khoản dự phòng	03	268.428.300	234.588.801
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.572.820.434)	(2.896.546.775)
Chi phí lãi vay	06	-	1.157.980.000
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động	08	25.515.786.791	25.953.961.038
Thay đổi các khoản phải thu	09	37.851.666.098	(1.073.956.501)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(159.698.076)	(511.523.152)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(59.813.180.945)	(256.240.547)
Giảm chi phí trả trước	12	(195.748.359)	176.538.160
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(2.876.491.861)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	970.574.986	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.169.400.495	21.412.287.137
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(5.857.243.694)	(7.126.866.170)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	12.867.316.015
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	3.572.820.434	2.896.546.775
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.284.423.260)	8.636.996.620
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.884.977.235	30.049.283.757
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	31.135.167.527	1.085.883.770
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	33.020.144.762	31.135.167.527



Lê Văn Nga
Giám đốc
Ngày 6 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Hữu Hoan
Kế toán trưởng

00-002
HÀNH
G TY
EM HỮU
DITTE
NAM
HỒ C

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801448559 ngày 28 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Công ty đã được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 13 tháng 11 năm 2009. Cổ đông chính và là công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PTSC”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 313 người (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 278 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến dịch vụ vận tải (cung cấp vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí; dịch vụ đại lý tàu biển; cung cấp dịch vụ thủ tải, dịch vụ hạ thủy, nâng hạng nặng, dịch vụ cân); bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (kinh doanh phân đạm và hóa chất phục vụ nông nghiệp); bốc xếp hàng hóa (vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, kiểm đếm và giao nhận hàng hóa); quản lý, điều hành kinh doanh và khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí, kinh doanh các dịch vụ cảng; kinh doanh vận tải đa phương thức trong và ngoài nước; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí; chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí; cung cấp dịch vụ kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau khi hàn.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù, các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 34
Máy móc và thiết bị	2 - 16
Phương tiện vận tải	2 - 3
Thiết bị văn phòng	2 - 5
Tài sản khác	4 - 15

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị phần mềm máy tính. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong hai năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	325.461.218	418.892.254
Tiền gửi ngân hàng	7.472.292.650	2.166.805.098
Các khoản tương đương tiền	25.222.390.894	28.549.470.175
	<u>33.020.144.762</u>	<u>31.135.167.527</u>

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn trong vòng 3 tháng tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương với lãi suất từ 8% đến 9% một năm.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	984.193.243	800.012.434
Công cụ, dụng cụ	216.519.881	241.002.614
	<u>1.200.713.124</u>	<u>1.041.015.048</u>

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc và thiết bị <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Tài sản khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2012	426.180.391.682	37.597.843.139	1.115.519.249	5.221.761.385	2.240.428.862	472.355.944.317
Tăng trong năm	-	92.500.000	83.200.000	189.023.636	-	364.723.636
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.947.664.120	1.205.272.726	-	-	-	10.152.936.846
Tại ngày 31/12/2012	<u>435.128.055.802</u>	<u>38.895.615.865</u>	<u>1.198.719.249</u>	<u>5.410.785.021</u>	<u>2.240.428.862</u>	<u>482.873.604.799</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2012	45.590.037.138	5.382.199.239	292.860.688	586.469.530	397.958.256	52.249.524.851
Khấu hao trong năm	21.524.485.976	2.907.993.698	793.397.940	330.849.286	211.090.614	25.767.817.514
Tại ngày 31/12/2012	<u>67.114.523.114</u>	<u>8.290.192.937</u>	<u>1.086.258.628</u>	<u>917.318.816</u>	<u>609.048.870</u>	<u>78.017.342.365</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2012	<u>368.013.532.688</u>	<u>30.605.422.928</u>	<u>112.460.621</u>	<u>4.493.466.205</u>	<u>1.631.379.992</u>	<u>404.856.262.434</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>380.590.354.544</u>	<u>32.215.643.900</u>	<u>822.658.561</u>	<u>4.635.291.855</u>	<u>1.842.470.606</u>	<u>420.106.419.466</u>

Trong năm, Công ty tạm ghi nhận tăng tài sản cố định đã hoàn thành là Công trình Nhà văn phòng Công ty và Công trình sân Tennis với số tiền lần lượt là 8.063.510.120 đồng và 884.154.000 đồng. Theo đó, chi phí khấu hao của Công trình Nhà văn phòng Công ty được trích tương ứng trong năm là 134.391.835 đồng. Nguyên giá và chi phí khấu hao của những tài sản này có thể thay đổi khi Công ty và các nhà thầu thực hiện quyết toán công trình. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị tài sản sau khi quyết toán sẽ không chênh lệch lớn so với giá tạm tính và đang trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2012 và ngày 31/12/2012	<u>311.989.714</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2012	81.083.401
Khấu hao trong năm	114.725.052
Tại ngày 31/12/2012	<u>195.808.453</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2012	<u>116.181.261</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>230.906.313</u>

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của công trình Nhà công vụ phục vụ mở rộng Cảng Nghi Sơn.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	154.189.092	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	101.447.240	-
Thuế thu nhập cá nhân	58.088.351	33.663.500
	<u>313.724.683</u>	<u>33.663.500</u>

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Kinh phí công đoàn	96.981.222	186.304.026
Phải trả Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	35.947.033.633	91.046.544.177
Phải trả khác	3.429.144.304	2.569.479.792
	<u>39.473.159.159</u>	<u>93.802.327.995</u>

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tăng do chuyển đổi	100.000.000.000	-	-	-	100.000.000.000
Vốn đã góp	300.000.000.000	-	-	-	300.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.268.676.788	1.268.676.788
Số dư tại ngày 31/12/2011	<u>400.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.268.676.788</u>	<u>401.268.676.788</u>
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	(1.268.676.788)	(1.268.676.788)
Tăng trong năm	-	1.014.941.379	63.433.889	-	1.078.375.268
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.206.903.560	2.206.903.560
Số dư tại ngày 31/12/2012	<u>400.000.000.000</u>	<u>1.014.941.379</u>	<u>63.433.889</u>	<u>2.206.903.560</u>	<u>403.285.278.828</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 339/NQ-DKTH-ĐHCD ngày 4 tháng 4 năm 2012, Công ty đã tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2011 để trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền lần lượt là 1.014.941.379 đồng, 63.433.889 đồng và 190.301.518 đồng.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, tương đương 40.000.000 cổ phần thường với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn điều lệ đã được góp đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Vốn đã góp 31/12/2012 VND
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	54,69%	218.773.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí	43,75%	175.000.000.000
Các Cổ đông khác	1,56%	6.227.000.000
	100%	400.000.000.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu bán hàng	10.265.155.671	27.042.359.867
Doanh thu cung cấp dịch vụ	64.708.707.526	60.662.648.714
	74.973.863.197	87.705.008.581

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2012 VND	2011 VND
Giá vốn bán hàng	10.403.919.973	26.680.087.735
Giá vốn cung cấp dịch vụ	52.971.521.411	48.107.100.856
	63.375.441.384	74.787.188.591

15. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.264.536.677	5.724.939.684
Chi phí nhân công	19.919.633.900	28.053.676.282
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.842.592.580	26.293.663.282
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.713.592.820	3.529.460.703
Chi phí khác	4.702.405.384	24.067.368.584
	65.442.761.361	87.669.108.535



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Lương	5.291.231.897	6.054.781.310
Khấu hao	890.236.841	720.328.214
Chi phí khác thanh toán bằng tiền	6.032.892.372	6.106.810.420
	<u>12.214.361.110</u>	<u>12.881.919.944</u>

17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	2.977.586.345	1.844.653.964
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	105.144.796	79.318.460
Thu nhập chịu thuế	<u>3.082.731.141</u>	<u>1.923.972.424</u>
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	770.682.785	480.993.106
Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2010	-	94.984.070
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>770.682.785</u>	<u>575.977.176</u>

Đối với hoạt động chính, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2009), Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm, được giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm (9 năm) tiếp theo kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư (năm 2009).

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Trong năm 2012, thu nhập chịu thuế từ hoạt động khác của Công ty được bù trừ với số lỗ từ hoạt động chính theo quy định hiện hành về thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.020.144.762	31.135.167.527
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.534.248.094	5.251.473.149
Tổng cộng	43.554.392.856	36.386.640.676
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	40.713.613.644	99.256.269.350
Chi phí phải trả	1.345.480.000	1.347.232.000
Tổng cộng	42.059.093.644	100.603.501.350

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	134.297.126	10.241.555

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	13.429.713	1.024.156

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yếu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm <u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.020.144.762
Phải thu khách hàng và phải thu khác	10.534.248.094
Tổng cộng	<u>43.554.392.856</u>
31/12/2012	Dưới 1 năm <u>VND</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	40.713.613.644
Chi phí phải trả	1.345.480.000
Tổng cộng	<u>42.059.093.644</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>1.495.299.212</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

31/12/2011	Dưới 1 năm <u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.135.167.527
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.251.473.149
Tổng cộng	<u>36.386.640.676</u>
31/12/2011	Dưới 1 năm <u>VND</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	99.256.269.350
Chi phí phải trả	1.347.232.000
Tổng cộng	<u>100.603.501.350</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>(64.216.860.674)</u>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

19. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

Các công ty thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam**Giao dịch khác**

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Chi phí sử dụng vốn phân bổ từ Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	1.157.980.000

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Tiền lương và thu nhập khác	1.463.511.930	1.096.330.809

Các công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Bán hàng, dịch vụ		
Công ty Bảo hiểm PVI Thanh Hóa	-	49.555.745
Công ty Cổ phần Phân bón & hóa chất Dầu khí Miền Bắc	3.156.363.467	2.564.387.337
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	165.777.386	44.453.810
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu khí Ninh Bình	5.361.818	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓAXã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Mua hàng, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	12.208.468.160	30.047.261.611
Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí VIDAMO - Chi nhánh Miền Bắc	-	173.707.454
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu Nờn PVOIL Miền Bắc	180.312.688	-
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Địa ốc Dầu khí	88.090.909	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	30.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Dầu Khí – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	<u>30.000.000</u>	<u>-</u>

Số dư với các bên liên quan:

Các công ty thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

	31/12/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Các khoản phải trả và phải trả khác		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	<u>36.407.033.633</u>	<u>92.723.544.176</u>

Các công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

	31/12/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	<u>257.412.320</u>	<u>233.893.396</u>

	31/12/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Các khoản phải trả và phải trả khác		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	<u>11.955.100</u>	<u>1.007.090.600</u>



Lê Văn Nga
Giám đốc
Ngày 6 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Hữu Hoan
Kế toán trưởng

